

Vietnam Daily Review

Bứt phá vào cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/5/2021		•	
Tuần 17/5-21/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu giằng co quanh mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng đã bật tăng mạnh vào cuối phiên và hiện tiệm cận trở lại gần ngưỡng 1280. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện nhẹ với 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Mặc dù vậy, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Tuy nhiên theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể vượt lên trên ngưỡng 1280 vào phiên giao dịch cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: REE_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+15.73** điểm, đóng cửa **1278.22**. HNX-Index **-0.15** điểm, đóng cửa **295.1**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+5.02)**; **VIC (+2.54)**; **MSN (+1.82)**; **VHM (+1.4)**; **MWG (+1.1)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.66)**; **VPB (-0.45)**; **GAS (-0.4)**; **HVN (-0.29)**; **NVL (-0.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,056 tỷ đồng**, **+5.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt **22,728 tỷ đồng**.
- Biên độ dao động là **22.44** điểm. Thị trường có **163** mã tăng, **41** mã tham chiếu và **252** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-565.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KDH (-282.6 tỷ)**, **VPB (-118.7 tỷ)** và **NVL (-92.5 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **50.1** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1278.22**
Giá trị: 21056.95 tỷ **15.73 (1.25%)**
Khối ngoại (ròng): -565.35 tỷ

HNX-INDEX **295.10**
Giá trị: 2917.46 tỷ **-0.15 (-0.05%)**
Khối ngoại (ròng): 50.1 tỷ

UPCOM-INDEX **79.75**
Giá trị: 892.2 tỷ **-0.06 (-0.08%)**
Khối ngoại(ròng): 8.41 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	63.5	0.16%
Giá vàng	1,872	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,048	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	28,104	-0.16%
Tỷ giá JPY/VND	21,147	0.22%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	10.10%
LS TPCP 5 năm	1.2%	1.70%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	115.0	KDH	282.6
VHM	36.4	VPB	118.7
MSN	31.8	NVL	92.5
SSI	30.0	VIC	65.7
GMD	29.9	STB	48.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	63.29	-0.11%	-0.83%	0.99%	71.15%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.66	0.00%	-0.58%	1.12%	62.74%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	210.08	-0.06%	0.26%	3.95%	79.59%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1870.64	0.05%	2.40%	5.17%	7.54%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.66	-0.29%	2.08%	7.03%	51.10%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1545.50	0.47%	-2.43%	6.02%	81.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	683.00	0.55%	-2.64%	3.29%	27.78%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.30	0.00%	-6.73%	-5.18%	12.27%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	223.52	-0.89%	-2.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.95	-1.51%	-4.99%	4.57%	47.78%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	150.95	-1.21%	3.04%	14.44%	32.30%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10001.50	-3.88%	-4.25%	8.58%	83.77%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	789.01	-6.74%	-15.16%	0.46%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	839.96	-7.05%	-16.97%	1.16%			
Nhôm	USD/ton	2415.00	-2.54%	-2.64%	4.32%	59.67%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	174.77	-7.17%	-11.07%	9.98%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	97.25	-0.26%	-4.00%	9.27%	55.35%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu giảm hơn 2 USD/thùng xuống mức thấp nhất trong 3 tuần, do lo lắng rằng số ca nhiễm virus corona tăng vọt ở Châu Á sẽ làm giảm nhu cầu dầu thô và lo sợ lạm phát của Mỹ có thể thúc đẩy Cục dự trữ Liên bang tăng lãi suất làm chậm đà tăng trưởng kinh tế.

Giá vàng

• Giá vàng đã tăng khoảng 1,2% lên trên mức cao nhất trong 4 tháng do các thị trường chứng khoán toàn cầu suy yếu và lo ngại lạm phát thúc đẩy sự hấp dẫn trú ẩn an toàn của vàng.
• Vàng giao ngay tăng 0,6% lên 1.880,24 USD/ounce sau khi đạt mức cao nhất kể từ ngày 8/1 tại 1.889,75 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa tăng 0,7% lên 1.881,5 USD/ounce.

Giá sắt thép

• Giá thép cuộn cán nóng và thép thanh của Trung Quốc giảm hơn 5% do lo ngại việc cắt giảm sản lượng thép dự đi và hoạt động xây dựng dự kiến chậm lại trong mùa mưa tới.
• Thép cuộn cán nóng tại Thượng Hải, dùng trong lĩnh vực sản xuất, đóng cửa giảm 5,2% xuống 5.678 CNY/tấn, mức đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 30/4. Thép thanh kỳ hạn tháng 10 giảm 5,6% xuống 5.309 CNY/tấn.
• Giá các thành phần sản xuất thép khác trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên cũng giảm. Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 đóng cửa giảm 3,3% xuống 1.193 CNY/tấn.

Giá cao su

• Giá cao su Nhật Bản giảm do chứng khoán toàn cầu và giá dầu suy yếu và do lo sợ rằng số ca nhiễm virus corona đang tăng tại Châu Á và lãi suất của Mỹ đang tăng có thể làm chậm đà phục hồi kinh tế.
• Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 2,4 JPY hay 1% xuống 245,4 JPY (2,3 USD)/kg.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 1,85 US cent hay 1,2% xuống 1,5095 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 13 USD hay 0,9% xuống 1.502 USD/tấn.
• Sản lượng cà phê arabica giảm tại Brazil trong năm nay cũng tiếp tục là yếu tố hỗ trợ với các nguồn cung cấp toàn cầu dự kiến khan hiếm trong vài tháng tới.
• Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm 0,26 US cent hay 1,5% xuống 16,95 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 giảm 4,2 USD hay 0,9% xuống 453,5 USD/tấn.

	20/5	% 20/5	19/5	% 19/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1278.22	1.25%	1262.49	0.78%	1.29%	2.48%
S&P 500			4115.68	-0.29%	1.30%	-1.14%
HĐTL S&P500	4101.00	-0.26%	4111.60	-0.28%	-0.15%	-0.62%
Shang- hai	3506.94	-0.11%	3510.97	-0.51%	2.26%	3.18%
Euro Stoxx	3955.62	0.48%	3936.74	-1.71%	0.08%	0.38%

Phân tích kỹ thuật

REE_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: REE đã vượt lên ngưỡng tích lũy ngắn hạn 56.0 trong phiên hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku báo hiệu nhịp tăng giá trung hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 58.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 63.4. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 52.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

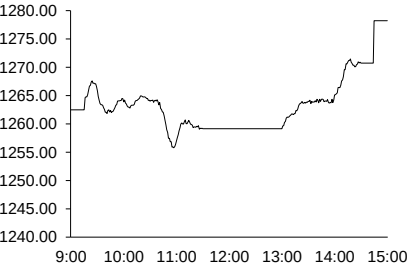
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	4.53%
Công nghệ Thông tin	4.42%
Dịch vụ tài chính	3.91%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.40%
Ngân hàng	1.94%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.28%
Thực phẩm và đồ uống	1.08%
Bất động sản	1.05%
Ô tô và phụ tùng	0.59%
Tài nguyên Cơ bản	0.18%
Viễn thông	0.00%
Y tế	-0.32%
Dầu khí	-0.34%
Bảo hiểm	-0.39%
Truyền thông	-0.56%
Du lịch và Giải trí	-0.73%
Xây dựng và Vật liệu	-0.79%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.02%
Hóa chất	-1.66%

Hình 1

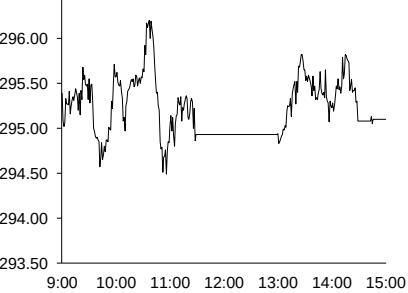
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/19/2021	DRC	26.75	32.5	25.6	27.4	1	2.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	12.1	2	-2.81%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	51	3	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	24.2	7	4.99%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	38.5	8	10.63%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	37	10	11.45%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	33	13	13.40%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	34.5	14	9.18%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	32	15	10.15%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	33.2	16	3.75%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	36.9	21	2.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	34.65	22	-2.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	95.5	41	16.32%	Cần nhắc không mua thêm (**)
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	11.85	87	-16.55%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

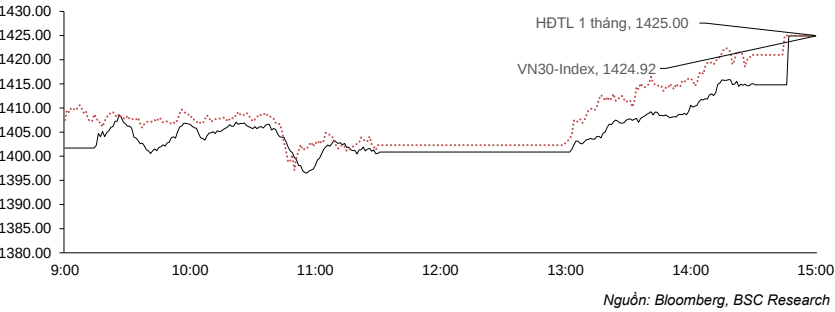
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	3	7.74%	-7.25%	4.52%	19
Cổ phiếu đã chốt	139	83	13.32%	-8.11%	5.31%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1425.00	1.43%	0.08	-18.1%	148,232	5/20/2021	0
VN30F2106	1408.40	1.11%	-16.52	169.2%	25,204	6/17/2021	28
VN30F2109	1395.10	0.66%	-29.82	-23.7%	103	9/16/2021	119
VN30F2112	1394.00	1.01%	-30.92	-24.7%	70	12/16/2021	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +23.21 điểm, lên 1424.92 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, STB, VPB, NVL, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1400-1410 điểm, trước khi tăng mạnh cuối phiên lên gần 1425 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2109 đang giảm, trong khi VN30F2106 và VN30F2112 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2101	9/27/2021	130	5:1	1,177,000	39.18%	1,100	3,980	32.67%	326	12.21	94,388	88,888	73,000
CHPG2108	8/12/2021	84	5:1	462,000	33.48%	1,200	8,480	12.17%	1,810	4.68	67,868	61,868	66,600
CMSN2103	8/13/2021	85	6:1	253,300	39.60%	3,000	10,450	4.50%	4,545	2.30	106,000	88,000	113,600
CSTB2010	6/11/2021	22	2:1	546,500	43.08%	1,100	8,640	4.10%	8,718	0.99	14,199	11,999	29,400
CFPT2016	6/22/2021	33	5:1	487,400	29.81%	2,580	8,720	2.83%	9,143	0.95	62,900	50,000	95,500
CTCB2012	7/30/2021	71	1:1	303,500	35.68%	5,400	28,500	1.53%	28,402	1.00	27,400	22,000	50,200
CSTB2014	6/14/2021	25	1:1	171,600	43.08%	3,800	16,800	1.27%	17,439	0.96	15,800	12,000	29,400
CHPG2102	7/5/2021	46	1:1	83,000	33.48%	6,600	29,750	1.02%	25,845	1.15	47,600	41,000	66,600
CMBB2010	6/14/2021	25	1:1	334,200	33.24%	4,600	18,550	0.54%	18,552	1.00	20,600	16,000	34,500
CTCB2101	10/5/2021	138	1:1	113,800	35.68%	5,000	23,600	0.43%	9,564	2.47	36,000	31,000	50,200
CVPB2103	8/9/2021	81	2:1	307,700	36.97%	2,700	16,100	-1.23%	15,342	1.05	41,900	36,500	66,800
CTCB2103	8/9/2021	81	2:1	362,000	35.68%	2,900	11,600	-2.36%	7,557	1.53	41,300	35,500	50,200
CHPG2106	8/27/2021	99	2:1	184,500	33.48%	4,100	14,100	-3.09%	8,614	1.64	58,400	50,200	66,600
CHPG2105	8/9/2021	81	2:1	227,200	33.48%	3,000	15,880	-3.17%	12,522	1.27	48,000	42,000	66,600
CHPG2107	8/12/2021	84	5:1	569,700	33.48%	1,300	7,940	-3.29%	1,823	4.35	65,868	59,368	66,600
CSTB2104	8/27/2021	99	1:1	259,800	43.08%	4,000	12,550	-3.68%	7,136	1.76	26,900	22,900	29,400
CSTB2103	8/9/2021	81	2:1	529,700	43.08%	1,400	8,810	-4.24%	5,799	1.52	20,800	18,000	29,400
CMBB2101	7/6/2021	47	2:1	263,700	33.24%	1,600	9,190	-4.27%	4,334	2.12	29,200	26,000	34,500
CNVL2003	6/11/2021	22	10:1	1,264,600	29.96%	1,000	7,490	-5.43%	7,720	0.97	73,979	63,979	141,000
Tổng				7,901,200	36.25%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 20/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm.

• CPDR2101 và CPDR2102 tăng mạnh lần lượt là 32.67% và 32.67%. Trái lại, CVHM2103 và CTCH2003 giảm mạnh lần lượt là -20.00% và -11.49%. Giá trị giao dịch giảm -16.08%. CNVL2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.87% thị trường.

• CMWG2016, CFPT2016, CSTB2014, CNVL2003, và CVPB2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CSTB2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
FPT	95.50	5.18	3.64
MWG	150.00	5.86	3.14
MSN	113.60	5.19	2.82
VCB	99.00	5.21	2.45
VIC	122.90	2.33	2.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	66.8	-1.04	-1.37
NVL	141.0	-0.70	-0.46
POW	11.5	-2.14	-0.14
GAS	80.8	-0.98	-0.09
SBT	19.3	-1.78	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	150.0	5.9%	1.0	3,101	8.8	9,051	16.6	4.1	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	99.3	6.2%	1.0	982	4.3	4,974	20.0	3.9	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	52.8	-0.8%	1.5	1,704	2.3	2,548	20.7	1.9	27.4%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	32.6	0.0%	0.5	317	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%	
VIC	Bất động sản	122.9	2.3%	0.7	18,074	11.0	2,174	56.5	5.2	14.5%	9.0%	
VRE	Bất động sản	29.5	0.5%	1.1	2,914	9.5	1,175	25.1	2.2	29.7%	9.3%	
VHM	Bất động sản	102.0	1.6%	1.1	14,588	17.1	7,874	13.0	3.7	22.5%	33.6%	
DXG	Bất động sản	23.4	0.9%	1.3	526	6.1	(61)		1.8	33.7%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	38.5	6.9%	1.5	1,081	46.2	2,776	13.9	2.2	45.9%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	73.9	1.2%	1.0	535	8.4	5,703	13.0	2.5	21.9%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	37.0	4.4%	1.5	491	15.2	2,462	15.0	2.4	47.9%	16.4%	
FPT	Công nghệ	95.5	5.2%	0.9	3,277	14.1	4,718	20.2	4.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	76.5	0.3%	0.4	910	0.1	5,165	14.8	4.4	#####	30.0%	
GAS	Dầu khí	80.8	-1.0%	1.3	6,724	2.5	3,946	20.5	3.1	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	54.4	0.4%	1.5	2,942	3.5	2,915	18.7	2.9	15.7%	16.8%	
PVS	Dầu khí	20.8	-2.3%	1.6	432	7.0	1,375	15.1	0.8	8.7%	5.4%	
BSR	Dầu khí	14.6	-3.3%	0.8	1,968	8.4	(909)	N/A	N/A	1.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	96.0	0.0%	0.4	546	0.1	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	18.2	0.0%	0.7	310	0.5	1,928	9.4	0.9	14.7%	9.4%	
DCM	Hóa chất	16.8	0.9%	0.6	387	1.3	1,122	15.0	1.4	3.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	99.0	5.2%	1.1	15,964	7.9	5,709	17.3	3.6	23.3%	22.8%	
BID	Ngân hàng	41.9	2.3%	1.3	7,318	6.3	2,048	20.4	2.1	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	48.9	1.9%	1.3	7,916	29.7	4,765	10.3	2.0	25.7%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.8	-1.0%	1.2	7,129	98.9	4,626	14.4	2.9	22.1%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	34.5	0.0%	1.2	4,198	26.0	3,612	9.6	1.9	23.0%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	37.4	2.2%	1.0	3,515	19.9	3,992	9.4	2.1	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	56.6	-1.0%	0.7	201	0.4	6,160	9.2	1.9	81.8%	20.3%	
NTP	Nhựa	40.6	2.8%	0.5	208	0.6	3,988	10.2	1.8	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	18.3	-3.2%	0.7	875	0.7	39	469.2	1.4	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	66.6	0.8%	1.1	9,594	62.0	5,476	12.2	3.3	29.5%	31.3%	
HSG	Thép	38.1	-1.7%	1.3	736	21.7	5,405	7.0	2.1	8.5%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	88.0	0.6%	0.7	7,996	10.7	4,682	18.8	5.9	55.0%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	152.1	-0.9%	0.8	4,241	0.8	7,561	20.1	4.9	62.9%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	113.6	5.2%	1.0	5,802	13.6	1,281	88.7	8.3	32.8%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	19.3	-1.8%	1.2	518	1.8	1,131	17.1	1.5	8.6%	8.7%	
ACV	Vận tải	69.3	0.4%	0.8	6,559	0.5	577	120.1	4.0	3.4%	3.4%	
VJC	Vận tải	111.0	0.9%	1.1	2,614	2.3	2,256		4.0	18.9%	8.3%	
HVN	Vận tải	25.9	-3.0%	1.7	1,597	1.5	(9,327)		25.5	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	38.8	2.4%	1.0	508	6.1	1,246	31.1	1.9	39.7%	6.2%	
PVT	Vận tải	16.2	0.0%	1.3	227	1.9	2,281	7.1	1.0	12.8%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	89.8	-0.3%	1.0	625	0.6	8,479	10.6	3.4	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	31.6	-3.1%	0.4	616	0.2	1,604	19.7	2.1	6.4%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	1.0%	0.9	250	0.4	1,566	9.6	1.1	3.0%	11.0%	
CTD	Xây dựng	52.8	-2.8%	1.0	171	1.6	3,352	15.8	0.5	44.7%	3.0%	
CII	Xây dựng	20.0	-1.5%	0.5	208	0.8	56	359.5	1.0	29.2%	0.2%	
REE	Điện	58.4	6.2%	-1.4	785	3.6	5,770	10.1	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	24.5	-1.0%	-0.4	203	0.6	2,371	10.3	1.2	11.2%	13.2%	
POW	Điện	11.5	-2.1%	0.6	1,166	7.5	1,037	11.0	0.9	3.3%	8.6%	
NT2	Điện	18.9	-2.1%	0.5	237	0.5	1,872	10.1	1.3	15.3%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	30.7	-5.5%	1.0	627	10.4	1,639	18.7	1.4	19.8%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	53.5	-1%	0.9	2,408	0.2			3.4	2.0%		

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	99.00	5.21	4.83	1.90MLN
VIC	122.90	2.33	2.52	2.08MLN
MSN	113.60	5.19	1.75	2.83MLN
VHM	102.00	1.59	1.43	3.92MLN
MWG	150.00	5.86	1.05	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.69	4.03MLN	1.11MLN
VPB	0.00	-0.46	34.35MLN	607060
GAS	0.00	-0.41	714400	373600
HVN	0.00	-0.30	1.29MLN	192700
NVL	0.00	-0.29	3.47MLN	611640

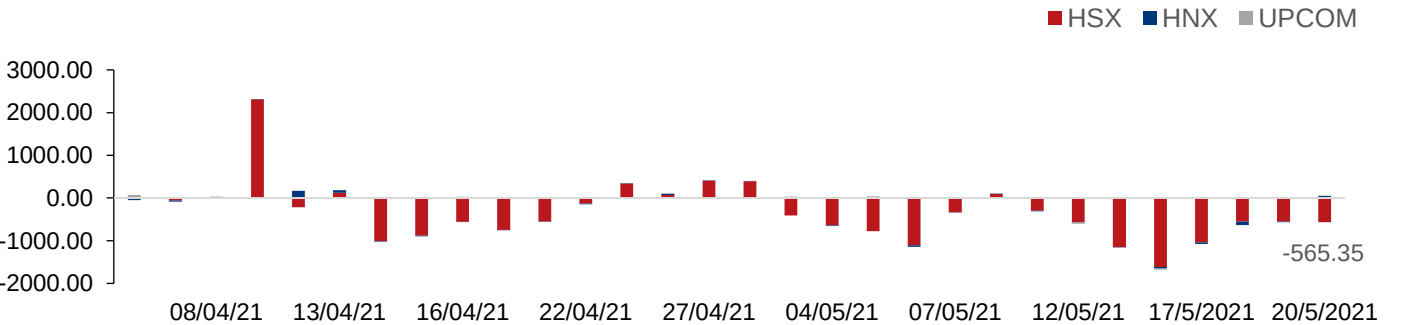
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	31.35	7.00	0.01	2000.00
GMC	31.35	7.00	0.02	6900
FIT	11.50	6.98	0.05	10.54MLN
DCL	33.75	6.97	0.03	1.03MLN
SSI	38.50	6.94	0.43	28.13MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GTA	14.05	-10.79	-0.01	6100
ABS	32.00	-6.98	-0.05	16800
VID	9.96	-6.92	-0.01	12800.00
LSS	10.10	-6.91	-0.01	1.30MLN
DXV	5.43	-6.86	0.00	75000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.9	1,400	10.6	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	37.4	3,992	9.4	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.3	577	120.1	4.0	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	26.8	3,834	7.0	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	48.9	4,765	10.3	2.0	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.4	13,880	3.8	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	66.9	5,505	12.2	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	138.5	7,653	18.1	4.7	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.2	1,928	9.4	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.4	2,379	11.5	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.4	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	95.5	4,718	20.2	4.5	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	38.8	1,246	31.1	1.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	40.8	7,082	5.8	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	66.6	5,476	12.2	3.3	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	38.1	5,405	7.0	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.1	1,566	9.6	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	30.7	1,639	18.7	1.4	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.5	2,140	17.1	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.5			1.7	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	34.5	3,258	10.6	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	113.6	1,281	88.7	8.3	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	150.0	9,051	16.6	4.1	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	36.9	4,008	9.2	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	50.4	7,080	7.1	2.1	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.4	2,120	11.5	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.3	4,974	20.0	3.9	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	11.5	1,037	11.0	0.9	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.4	0	125.9	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	20.8	1,375	15.1	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	152.1	7,561	20.1	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.3	1,131	17.1	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.2	4,074	12.3	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.0	5,709	17.3	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	40.7	4,166	9.8	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	16.8	570	29.5	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	37.8	3,837	9.9	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	88.0	4,682	18.8	5.9	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	102.0	7,874	13.0	3.7	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	24.7	1,091	22.6	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.5	600	15.8	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	127.5	9,476	13.5	6.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.8	4,626	14.4	2.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	29.5	1,175	25.1	2.2	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	85.6	4,060	21.1	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639